

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-PT

Ngày 24 - 01 - 2024

V/v: *Kiện đòi tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, bà Tòng Thị Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc: *Kiện đòi tài sản.* Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2023/QĐ - PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N. Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tiểu khu H, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đàm Mạnh H. Địa chỉ: Tổ E, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/12/2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lò Văn Đ, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh S. (Văn bản số 01 ngày 06/03/2023). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Hoài T. Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố S, Sơn La. Có mặt

3. Người làm chứng:

- Bà Lương Thị S. Địa chỉ: T, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bà Hà Thị L. Địa chỉ: Tiểu khu N, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Hoài T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N và người đại diện trình bày như sau:

Tháng 05 năm 2014, bà Phạm Thị N và bà Phạm Hoài T có mua bán mận giá trị tổng cộng là 934.770.000 đồng, Việc giao hàng có ghi sổ của bà N. Bà T đã trả là 660.000.000 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán 274.770.000 đồng.

Ngày 12/6/2014, tại nhà bà T đã viết giấy vay bà N số tiền 274.770.000 đồng, hẹn 30/6/2014 tạm trả 100.000.000 đồng, số tiền còn lại 15 ngày sau trả hết. Sự việc có mặt bà Lương Thị S đi cùng bà N chứng kiến nhưng không ký vào giấy vay. Tuy nhiên đến ngày bà T không trả tiền.

Ngày 16/7/2014, bà T tiếp tục viết cho bà N giấy biên nhận vay tiền mặt. Nội dung ghi nhận có nợ bà N số tiền 275.000.000 đồng, đã trả 7.000.000 đồng, còn nợ 268.000.000 đồng, hẹn trả dần vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng 10 đến 15 triệu đồng. Việc viết giấy vay tại nhà bà T, có bà Hà Thị L làm chứng và cùng ký tên vào giấy biên nhận. Sau đó, bà T còn ghi thêm: Hẹn trả vào mùa mận 2015 (30/4/2015); ngày 28/7/2016 bà T ghi thêm nội dung hẹn đến 30/12/2016 trả 60.000.000 đồng.

Bà T hẹn lại nhiều lần nhưng không thực hiện trả tiền. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu buộc bà T phải trả số tiền 268.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Bị đơn bà Phạm Hoài T trình bày:

Bà T không vay tiền bà N như bà N đã trình bày. Số tiền đó là do năm 2014 bà mua mận xanh của bà N để bán thì chất lượng mận không đảm bảo, bị chảy nước nên không bán được. Bà đã thương lượng bằng lời nói nhưng bà N không đồng ý. Số tiền hàng bà không còn nhớ rõ nhưng bà sẽ tìm lại sổ sách để chứng minh. Do bà T làm ăn thua lỗ, không minh mẫn tinh táo nên bị bà N ép viết giấy vay, thực tế không có việc vay tiền. Ngày 12/6/2014, bà T có ký giấy biên nhận vay tiền nhưng thực tế là do bị ép buộc. Không có 02 người làm chứng như bà N trình bày mà chỉ có một người thường đi cùng bà N (bà N trình bày tên là S) có mặt và ký làm chứng tên L. Do vậy, bà T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người làm chứng bà Lương Thị S trình bày:

Do mối quan hệ làm ăn, quen biết, ngày 12/6/2014, bà S có đi cùng bà N từ huyện M đến thành phố S và được chứng kiến bà T tự mình viết giấy biên

nhận vay tiền về khoản tiền hàng chưa thanh toán được hơn 200 triệu, không ai ép buộc. Tuy nhiên, bà S không ký vào giấy.

Người làm chứng bà Hà Thị L đã gửi cho Tòa án lời khai:

Ngày 16/7/2014, bà L có đi cùng bà N và chứng kiến sự thật bà T viết biên nhận cho bà N. Hai bên thống nhất thoả thuận, không ai bị ép buộc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào các điều: 169, 170, 255, 256, 305 Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều 164, 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 70, 91, khoản 1 Điều 147, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bà Phạm Hoài T có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị N số tiền 268.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 26/10/2023 bị đơn Phạm Hoài T có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Ý kiến của nguyên đơn: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La. Nguyên đơn không kháng cáo và không có ý kiến bổ sung thêm.

* Ý kiến của bị đơn: Bị đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đánh giá chứng cứ và tài liệu căn cứ mà cấp sơ thẩm đã quyết định. Xét lý do kháng cáo bị đơn cho rằng bị ép buộc là không có căn cứ, bị đơn cho rằng chưa đủ thời gian cung cấp chứng cứ cho Tòa là lỗi của bị đơn, không áp dụng thời hiệu đối với vụ án kiện đòi tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, đề nghị: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện về kiện đòi tài sản giữa nguyên đơn Phạm Thị N và bị đơn Phạm Hoài T là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lò Văn Đ; nhân chứng bà Lương Thị S, bà Hà Thị L đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử theo quy định chung.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Sau xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Hoài T có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và nội dung, thực hiện đúng quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do vậy, kháng cáo được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Hoài T:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ việc bà T mua bán mặn với bà N nên bị đơn đã nhiều lần viết giấy biên nhận vay tiền, được thể hiện bằng:

- + Giấy vay tiền bà T đã viết ngày 12/6/2014, hạn 30/6/2014 trả nợ.
- + Giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 16/7/2014.
- + Hợp đồng vay tiền ngày 15/7/2014.

Về chủ thể giao dịch hợp đồng: Tại thời điểm viết giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền các bên đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình khi ký kết. Xác định, là giao dịch dân sự hợp pháp được pháp luật công nhận. Việc hai bên làm giấy tờ vay nợ còn có sự chứng kiến bà S, bà L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T đều khai nhận có việc mua bán tài sản với bà N, xác nhận các giấy biên nhận trên đều do bà T viết nhưng do bà bị ép buộc viết giấy vay tiền, đã viết theo ý nguyên đơn và viết trong tình trạng không minh mẫn, người làm chứng là do nguyên đơn bà N nhờ ký, tuy nhiên bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nội dung trên có căn cứ.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp:

1.....

2. “...yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu...”

Do đó, bà N khởi kiện bà T yêu cầu đòi lại tài sản (nợ gốc) Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét buộc bà T phải trả tiền cho bà N số tiền 268.000.000 là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét các bên khi tham gia giao dịch hoàn toàn tự do ý chí, thỏa thuận về nội dung của giao dịch, không có căn cứ bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Các bên tự thỏa thuận các vấn đề nhằm làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình. Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật

Từ những phân tích nhận định nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu không được chấp nhận bà Phạm Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Hoài T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ vào các điều: 169, 170, 255, 256, 305 Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều 164, 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 70, 91, khoản 1 Điều 147, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Buộc bà Phạm Hoài T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị N số tiền 268.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: bà Phạm Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.400.000 (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Trả cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0002573 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Phạm Hoài T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: 0000163 ngày 06/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 24/01/2024).

“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh

Tòng Thị Hiền

Đinh Thị Mai Lan

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan